

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1	1	1						
1	1913711408	Hồ Văn Anh	N19DLK3	7	7	7	7		7.0	6.0	6.4	Sáu phần Bốn	
2	1912711416	Thân Thị Thảo	N19DLK3	9	8	8	8		8.0	6.0	6.9	Sáu phần Chín	
3	1813119349	Lê Đức	N19DLK2	6	6	6	6		6.0	5.0	5.4	Năm phần Bốn	
4	1913711423	Phạm Minh Đức	N19DLK3	9	7	8	7		7.3	6.0	6.7	Sáu phần Bảy	
5	1912711424	Lê Thùy Dung	N19DLK1	9	7	7	8		7.3	5.0	6.1	Sáu phần Một	
6	1913711437	Phùng Ngọc Hậu	N19DLK3	8	8	7	8		7.7	6.0	6.7	Sáu phần Bảy	
7	1913711440	Trương Diên Bảo	N19DLK3	8	8	7	7		7.3	6.0	6.6	Sáu phần Sáu	
8	1913711441	Nguyễn Thanh Hòa	N19DLK1	7	8	7	7		7.3	6.0	6.5	Sáu phần Năm	
9	1912711447	Hà Thị Thanh Huyền	N19DLK1	9	8	8	7		7.7	5.0	6.2	Sáu phần Hai	
10	1912711448	Trần Lưu Kim Huyền	N19DLK1	8	7	7	8		7.3	7.0	7.2	Bảy phần Hai	
11	1913711464	Lữ Ngọc Nam	N19DLK3	8	7	8	8		7.7	7.0	7.3	Bảy phần Ba	
12	1913711463	Võ Đức Hoài Nam	N19DLK1	6	7	7	7		7.0	LP	0.0	Không	HP+LP
13	1912711467	Lâm Khả Ngân	N19DLK1	9	8	7	7		7.3	6.0	6.7	Sáu phần Bảy	
14	1912711474	Phạm Thị Thúy Nguyên	N19DLK3	9	7	8	8		7.7	5.0	6.2	Sáu phần Hai	
15	1813719186	Lê Hồng Phúc	N19DLK3	6	6	7	6		6.3	LP	0.0	Không	LP
16	1913711487	Phạm Đức Phước	N19DLK3	8	8	7	8		7.7	5.0	6.1	Sáu phần Một	
17	1912711497	Phạm Ngọc Bảo Quỳnh	N19DLK1	9	8	8	7		7.7	5.0	6.2	Sáu phần Hai	
18	1913711498	Nguyễn Nhật Tân	N19DLK1	5	5	5	5		5.0	LP	0.0	Không	HP+LP
19	1912711503	Trần Thị Thu Thảo	N19DLK1	9	7	8	7		7.3	5.0	6.1	Sáu phần Một	
20	1913711505	Vũ Ngọc Thiện	N19DLK3	9	7	8	8		7.7	5.0	6.2	Sáu phần Hai	
21	1912711508	Hà Thị Thanh Thoa	N19DLK3	8	7	8	8		7.7	6.0	6.7	Sáu phần Bảy	
22	1913711509	Nguyễn Tiến Thôi	N19DLK3	9	8	7	7		7.3	6.0	6.7	Sáu phần Bảy	
23	1912711512	Nguyễn Nguyễn Hoài Thương	N19DLK2	8	7	7	7		7.0	LP	0.0	Không	LP
24	1912711519	Quách Huỳnh Thy	N19DLK3	8	8	7	8		7.7	5.0	6.1	Sáu phần Một	
25	1913711522	Đặng Văn Tiến	N19DLK3	7	7	7	7		7.0	5.0	5.8	Năm phần Tám	
26	1913711523	Đinh Văn Toàn	N19DLK3	8	7	7	8		7.3	7.0	7.2	Bảy phần Hai	
27	1913711531	Lê Công Trung	N19DLK3	9	8	7	7		7.3	LP	0.0	Không	LP
28	1912711535	Ngô Thị Thanh Vân	N19DLK1	9	8	7	8		7.7	6.0	6.8	Sáu phần Tám	
29	1913711539	Huỳnh Ngọc Vũ	N19DLK2	7	7	7	7		7.0	LP	0.0	Không	LP
30	1713719996	Nguyễn Hoàng Nguyên Vũ	N19DLK2	9	8	7	8		7.7	6.0	6.8	Sáu phần Tám	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
31	1912711541	Đặng Thị Thúy Vy	N19DLK1	9	7	8	8		7.7	6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
32	1912711544	Võ Thị Ngọc Yến	N19DLK2	9	7	7	7		7.0	6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	26	81%	
2	Số sinh viên nợ	6	19%	
TỔNG CỘNG :		32	100%	

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2016

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân